**Thông tin về nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia: Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á- Âu trong bối cảnh mới, mã số: KX 01.43/16-20**

**I. Thông tin chung:**

1.1. Tên đề tài: **Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á- Âu trong bối cảnh mới**

1.2. Mã số: KX 01.43/16-20

1.3. Kinh phí thực hiện: 3.050 triệu đồng

- Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: 3.050 triệu đồng.

- Kinh phí từ nguồn khác: 0 triệu đồng.

1.4 Thời gian thực hiện: 21 tháng, từ tháng 6/2019 đến tháng 11/2020 (được gia hạn đến 02/2021)

1.5 Tổ chức chủ trì: Viện Nghiên cứu Châu Âu

1.6. Chủ nhiệm đề tài: PGS. TS Đỗ Hương Lan

1.7. Các thành viên chính tham gia thực hiện đề tài:

| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh khoa học** | **Tổ chức công tác hiện nay** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. | Nguyễn An Hà | PGS.TS | Viện Nghiên cứu Châu Âu. |
| 2. | Hoa Hữu Cường | Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu Châu Âu. |
| 3. | Nguyễn Văn Hồng | PGS.TS | Trường ĐH Ngoại thương |
| 4. | Nguyễn Thái Sơn | PGS.TS | Trường ĐH Hải Phòng |
| 5. | Nguyễn Thị Lan | PGS.TS | Trường ĐH Ngoại thương |
| 6. | Vũ Thành Toàn | Tiến sĩ | Trường Đại học Ngoại thương |
| 7. | Trần Hải Ly | TS | Trường ĐH Ngoại thương. |
| 8. | Nguyễn Quang Minh | Tiến sĩ | Trường Đại học Ngoại thương |
| 9. | Phan Tiến Dũng | PGS.TS | Ban ứng dụng và phát triển công nghệ, Viện Hàn lâm KH công nghệ VN. |
| 10 | Bùi Quý Thuấn | Nghiên cứu sinh | Học viện Chính sách phát triển, Bộ Kế hoạch và đầu tư |
| 11 | Nguyễn Sơn Tùng | Thạc sĩ | Trường ĐH Ngoại thương. |
| 12 | Hoàng Hải Bắc | Tiến sĩ | Trường ĐH sư phạm kỹ thuật Hưng Yên |
| 13 | Lâm Thanh Hà | Thạc sĩ, NCS | Học viện Ngoại giao |
| 14 | Nguyễn Lê Đình Quý | Ths, NCS | Trường Đại học FPT |
| 15 | Nguyễn Hồng Trả My | Nghiên cứu sinh | Trường ĐH Ngoại thương |
| 16 | Nguyễn Lan Hương | Thạc sĩ, NCS | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh |
| 17 | Nguyễn Thị Nhật Thu | Tiến sĩ | Trường ĐH Ngoại thương. |
| 18 | Bùi Việt Hưng | Tiến sĩ | Viện Nghiên cứu Châu Âu. |
| 19 | Bùi Thị Huy Hợp | Thạc sĩ | Trung tâm nghiên cứu hội nhập, Bộ KH và CN. |
| 20 | Trần Thị Thanh Thủy | Thạc sĩ, NCS | Trường ĐH Ngoại thương. |

**II. Thời gian, địa điểm dự kiến tổ chức đánh giá, nghiệm thu:**

2.1Thời gian dự kiến: Tháng 04 năm 2021.

2.2 Địa điểm: tại Bộ Khoa học và Công nghệ.

**III. Nội dung báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:**

3.1. Sản phẩm đã hoàn thành đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng của Hợp đồng nghiên cứu khoa học đã ký kết, gồm:

* 01 báo cáo tổng hợp;
* 01 báo cáo tóm tắt;
* 01 báo cáo kiến nghị;
* 06 bài báo khoa học, trong đó có 03 bài tỏng nước, 03 bài quốc tế, 02 bài đăng trên Tạp chí ESCI và Scopus
* 02 bài báo cáo tham luận tại Hội thảo quốc tế;
* 01 bản thảo sách;
* 02 Thạc sỹ;
* Hỗ trợ đào tạo 02 NCS

3.2. Sản phẩm khoa học đã và sẽ chuyển giao:

* Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển g*iao:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***STT*** | ***Tên sản phẩm***  | ***Thời gian dự kiến ứng dụng*** | ***Cơ quan dự kiến ứng dụng*** |
| 1 | Báo cáo tổng hợp | 2021 | - Các cơ quan tham gia hoạch định chính sách kinh tế đối ngoại như Bộ Ngoại giao, Bộ Công thương, Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, Văn phòng Trung ương Đảng, Văn phòng Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương- Các viện nghiên cứu, các trường Đại học |
| 2 | Báo cáo tóm tắt | 2021 |
| 3 | Báo cáo kiến nghị | 2021 |
| 4 | Sách chuyên khảo | 2021 |

- Danh mục sản phẩm khoa học đã được chuyển giao:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên sản phẩm**  | **Thời gian ứng dụng** | **Tên cơ quan ứng dụng** |
| 1 | Báo cáo kiến nghị | 2021 | Bộ công thương, Ban Kinh tế TƯ, Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Ngoại giao |

3.3 Về những đóng góp mới của nhiệm vụ

- Xây dựng và hoàn thiện khung lý thuyết về hợp tác kinh tế toàn diện giữa một quốc gia và liên kết kinh tế quốc tế trong bối cảnh hội nhập (khái niệm, nội hàm, các nhân tố tác động, các tiêu chí đo lường, cơ sở hợp tác…)

- Phân tích và dánh giá tổng quan các vấn đề có liên quan đến hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu trong bối cảnh mới

- Phân tích và đánh giá cơ sở kinh tế và cơ sở pháp lý của hoạt động hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu, chỉ rõ nhu cầu, tiềm năng, lợi thế của mỗi bên trong hợp tác trên các bình diện lợi thế so sánh động cũng như lợi thế so sánh tĩnh.

- Cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định chính sách liên quan đến hợp tác thương mại, đầu tư, khoa học - công nghệ, hợp tác lao động… thông qua các phân tích, đánh giá thực trạng hợp tác thương mại hàng hóa, dịch vụ đầu tư, lao động, các nhân tố tác động, những rảo cản trong hợp tác kinh tế toàn diện giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu, sự ảnh hưởng của các vấn đề tự do hóa đầu tư, thương mại của Việt Nam và các nước EAEU đến luồng thương mại đầu tư giữa Việt Nam và EAEU, vấn đề thu hút kiều hối từ EAEU về Việt Nam và độ bền vững của luồng kiều hối này, hoạt động kinh tế - thương mại của cộng đồng người Việt tại Nga…

- Đề xuất hệ thống giải pháp nhằm thúc đẩy hợp tác thương mại, đầu tư, khoa học - công nghệ, hợp tác lao động, thu hút kiều hối…giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu trong bối cảnh mới

- Các kết quả nghiên cứu về lý luận, thực tiễn khẳng định sự cần thiết phải phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu về hợp tác kinh tế giữa Việt Nam với các đối tác truyền thống ở Liên Xô cũ

3.4 Về hiệu quả của nhiệm vụ:

*3.4.1. Hiệu quả kinh tế*

- Cung cấp cơ sở khoa học cho chính phủ, các Bộ, ban ngành liên quan, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp trong việc quản lý và hoạch định chính sách của Việt Nam liên quan đến thương mại hàng hoá và dịch vụ, đầu tư, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, di chuyển lao động quốc tế trong phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế với Liên minh kinh tế Á - Âu.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể ứng dụng trực tiếp cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, khoa học - công nghệ, đầu tư, xuất khẩu lao động, du lịch…trong việc phát triển hợp tác với các nước EAEU về các lĩnh vực này

- Góp phần thúc đẩy hợp tác thương mai, đầu tư, khoa học - công nghệ, tạo thu hút kiều hối từ EAEU về Việt Nam cũng như tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động của người Việt tại LB Nga thông qua các kết quả nghiên cứu của đề tài và hệ thống giải pháp được đề xuất với các cơ quan hữu quan của các bên

- Trang thông tin điện tử về hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu - sản phẩm của đề tài sẽ lan tỏa thông tin và kết nối thị trường giữa các bên, qua đó góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu

*3.4.2. Hiệu quả xã hội*

- Cung cấp cơ sở khoa học và các đề xuất có thể ứng dụng trực tiếp cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, khoa học - công nghệ, đầu tư, xuất khẩu lao động, du lịch…trong việc phát triển hợp tác với các nước EAEU về các lĩnh vực này

- Cung cấp cơ sở khoa học cho chính phủ, các Bộ, ban ngành liên quan, chính quyền địa phương, các doanh nghiệp trong việc quản lý và hoạch định chính sách của Việt Nam liên quan đến thương mại hàng hoá và dịch vụ, đầu tư, hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ, di chuyển lao động quốc tế trong phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế với Liên minh kinh tế Á - Âu.

- Góp phần thúc đẩy hợp tác thương mai, đầu tư, khoa học - công nghệ, tạo thu hút kiều hối từ EAEU về Việt Nam cũng như tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động của người Việt tại LB Nga thông qua các kết quả nghiên cứu, đánh giá của đề tài và hệ thống giải pháp được đề xuất với các cơ quan hữu quan của các bên

- Trang thông tin điện tử về hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu - sản phẩm của đề tài sẽ lan tỏa thông tin và kết nối thị trường giữa các bên, qua đó góp phần thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu

**IV. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ**

1. Về tiến độ thực hiện: *(đánh dấu* ***√***  *vào ô tương ứng*):

|  |  |
| --- | --- |
| *- Nộp hồ sơ đúng hạn* | ⌧ |
| *- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng* | [ ]  |
| *- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng* | [ ]  |

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

 *- Xuất sắc* [ ]

 *- Đạt*  ⌧

 *- Không đạt* [ ]